TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **234**/2024/DS-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Xuân Đào.

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 260/2023/TLST–DS ngày 06/12/2023, về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-DS ngày 13/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa 108/2024/QĐST-DS ngày 08/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T.**
Địa chỉ: đường N, Phường S Quận C, TP.HCM.
Địa chỉ liên lạc: đường N, Phường S, Quận C, TP.HCM.
Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Gia T, văn bản uỷ quyền số 2425/2023/UQ-TGĐ ngày 11/8/2023 (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: **Ông Trần Tấn P,** sinh năm: 2000.
Địa chỉ: đường B, Phường N, Quận 6. TP.HCM. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/12/2020, Ông P có ký với Ngân hàng TMCP T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu

này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ: Visa; Số thẻ: 472074 – 4638; Hạn mức: 10.000.000 đồng ; Ngày ký hợp đồng: 21/12/2020; Lãi suất áp dụng: 2.6 %/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.711.485 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.044.461 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 31/05/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 12.865.462 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do Ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Ông P phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 08/08/2024 là 27.098.437 đồng. Cụ thể là:

Loại thẻ: Visa; Số thẻ: 472074 – 4638; Nợ gốc: 12.865.462; Lãi quá hạn: 14.232.975; Lãi suất áp dụng: 3.9% (2.6% x 150%); ĐVT: đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Ông P, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên Ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP T kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn Ông Trần Tấn P.

YÊU CẦU GIẢI QUYẾT

Với sự tin tưởng vào tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật, kính đề nghị Quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết:

1. Buộc Ông Trần Tấn P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/08/2024 là 27.098.437 đồng (Hai mươi bảy triệu, không trăm chín mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 12.865.462 đồng
- Lãi quá hạn : 14.232.975 đồng

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- *Bị đơn*: Ông Trần Tấn P vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ hòa giải, xét xử nên không có lời trình bày.

**** Tại phiên tòa:***

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Bị đơn: Ông Trần Tấn P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm: thực hiện đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần HĐXX, đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Về phần thủ tục, phần hỏi và phần tranh luận, HĐXX cũng thực hiện đúng quy định.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 275,357,463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của HĐTP TAND tối cao; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng:

- Thẩm quyền loại việc:

Ông Trần Tấn P ký Hợp đồng Thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản.

- Thẩm quyền lãnh thổ:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường N, Quận 6 như sau: *"Đương sự Ông Trần Tấn P có hộ khẩu thường trú tại đường B, Phường N, Quận 6, TP.HCM, thực tế cư ngụ tại địa chỉ trên."*

Xét, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ thuộc khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Ông Trần Tấn P là đúng với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì các bên không yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.]

[Về nội dung:

Theo toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 21/12/2020, Ông P có ký với Ngân hàng TMCP T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ: Visa; Số thẻ: 472074 – 4638; Hạn mức: 10.000.000 đồng ; Ngày ký hợp đồng: 21/12/2020; Lãi suất áp dụng: 2.6 %/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.711.485 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.044.461 đồng. Số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 08/8/2024 là 27.098.437 đồng, trong đó nợ gốc 12.865.462 đồng, nợ lãi quá hạn 14.232.975 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi thực hiện các giao dịch, bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà còn nợ lại số tiền gốc là 12.865.462 đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 18của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, ngày 11/4/2022 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn

thiếu sang nợ quá hạn được quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng; Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ 27.098.437 đồng như đã tính chi tiết ở phần trên là có cơ sở chấp nhận.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T. Cụ thể:

1/ Buộc Ông Trần Tấn P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền nợ: 27.098.437(hai mươi bảy triệu, không trăm chín mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi bảy) đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 12.865.462 đồng
- Lãi quá hạn : 14.232.975 đồng

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Ông Trần Tấn P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/8/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

3/ Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Tấn P phải chịu án phí là: 1.354.922 đồng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 510.211 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0038649 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục Thi hành án Quận 6;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thanh Sang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Xuân Đào **Vũ Thị Hiệp** **Tô Thanh Sang**